



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 27 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Ông Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là ANV.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại : (84-76) 3834060
Fax : (84-76) 3834054
E-mail : namvietagg@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 1600168736

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản – chi nhánh Công ty cổ phần Nam Việt	Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận kỳ này của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng và nhận lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương (Công ty con).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức năm 2011 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26 tháng 5 năm 2012 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Hiến	Trưởng ban	11 tháng 6 năm 2012	-
Ông Lương Văn Hữu	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 8 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Doãn Tới
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2012

Số: 0736/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012.
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Nam Việt gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2012, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.170.994.183.782	1.550.502.578.848
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.313.022.123	140.080.363.330
1. Tiền	111		36.103.022.123	14.470.459.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.210.000.000	125.609.904.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.703.972.082	167.647.441.201
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	24.703.972.082	167.647.441.201
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		599.396.522.875	909.751.344.312
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	447.782.590.435	491.038.052.598
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	57.400.937.338	14.155.693.977
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	163.830.794.400	471.161.880.930
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(69.617.799.298)	(66.604.283.193)
IV. Hàng tồn kho	140		434.250.149.029	294.340.155.555
1. Hàng tồn kho	141	V.7	439.617.346.350	295.389.165.328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(5.367.197.321)	(1.049.009.773)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.330.517.673	38.683.274.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.740.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.569.790.010	7.343.790.173
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	30.729.987.663	31.339.484.277

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		766.817.781.274	614.463.953.135
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		259.024.793.535	205.193.886.512
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	40.854.579.125	44.092.776.780
Nguyên giá	222		236.319.133.280	230.782.048.653
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(195.464.554.155)	(186.689.271.873)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	59.346.725.822	16.371.119.822
Nguyên giá	228		59.592.198.822	16.593.198.822
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(245.473.000)	(222.079.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	158.823.488.588	144.729.989.910
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		498.120.448.422	408.966.824.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	128.000.000.000	128.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	131.175.000.000	39.150.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	244.910.860.000	253.704.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(5.965.411.578)	(11.887.176.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.672.539.317	303.242.623
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	9.369.296.694	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		303.242.623	303.242.623
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.937.811.965.056	2.164.966.531.983

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		559.525.477.897	787.570.576.097
I. Nợ ngắn hạn	310		558.185.296.471	786.054.362.981
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	451.450.054.653	355.714.046.613
2. Phải trả người bán	312	V.19	57.348.095.203	338.357.809.467
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	6.800.422.627	11.756.655.063
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	4.380.957.098	4.630.131.089
5. Phải trả người lao động	315	V.22	4.738.995.506	3.491.532.668
6. Chi phí phải trả	316	V.23	798.075.941	2.017.787.300
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	23.974.064.352	60.350.280.230
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	8.694.631.091	9.736.120.551
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.340.181.426	1.516.213.116
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1.340.181.426	1.516.213.116
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.378.286.487.159	1.377.395.955.886
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.378.286.487.159	1.377.395.955.886
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	133.738.657.907	132.848.126.634
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.937.811.965.056	2.164.966.531.983

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		20.258.042.067	20.258.042.067
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		456.116,18	118.342,52
Euro (EUR)		1.659,54	1.659,26
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2012

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

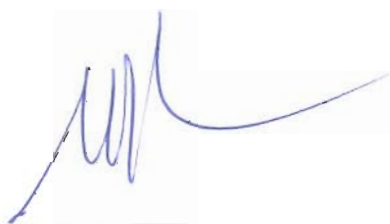
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	733.055.465.186	677.176.296.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6.780.690.455	5.442.181.609
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	726.274.774.731	671.734.114.481
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	628.630.011.538	627.880.068.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.644.763.193	43.854.046.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.479.454.317	52.783.945.236
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.812.484.822	23.156.313.290
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.620.021.091	15.945.912.773
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	40.671.548.206	31.986.041.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.327.458.151	9.908.405.544
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.312.726.331	31.587.231.087
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.175.596.967	4.357.287.229
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.553.067.025	11.027.508.456
13. Lợi nhuận khác	40		(1.377.470.058)	(6.670.221.227)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.935.256.273	24.917.009.860
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	80.613.932
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.935.256.273	24.836.395.928
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2012


Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.935.256.273	24.917.009.860
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	9.920.756.824	12.986.859.168
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.16	6.203.079.231	(1.134.068.624)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	-	(14.066.330.232)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(45.640.637.670)	(12.878.229.242)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	27.620.021.091	15.945.912.773
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.038.475.749	25.771.153.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		311.817.607.269	21.440.890.210
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(144.228.181.022)	95.415.054.777
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(328.688.436.502)	56.297.410.479
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.490.319.983)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(27.713.421.810)	(16.146.402.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.952.062.019	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.217.339.823)	(493.681.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(137.529.554.103)	182.284.425.775
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, VII	(80.085.279.942)	(18.065.204.266)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.270.909.090	1.401.872.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(50.531.400.000)	(110.946.337.785)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	193.474.869.119	170.599.846.486
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(92.025.000.000)	(20.304.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15	4.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3, VIII.1	51.849.085.289	15.224.796.115
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.953.183.556	37.910.973.277

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.113.462.905.898	451.001.498.001
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.017.726.897.858)	(530.515.473.137)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(58.926.978.700)	(58.767.194.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.809.029.340	(138.281.169.836)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(72.767.341.207)	81.914.229.216
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	140.080.363.330	69.543.874.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	37.609.049
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	67.313.022.123	151.495.712.841

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2012

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	824.315.216	3.735.528.043
Tiền gửi ngân hàng	35.278.706.907	10.734.931.287
Các khoản tương đương tiền (*)	31.210.000.000	125.609.904.000
Cộng	67.313.022.123	140.080.363.330

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các cá nhân vay	868.094.637	68.226.316.740
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	-	171.059.016
Cho Công ty TNHH cromit Nam Việt vay	23.835.877.445	99.250.065.445
Cộng	24.703.972.082	167.647.441.201

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	267.370.036.923	273.695.044.220
Các khách hàng trong nước	180.412.553.512	217.343.008.378
Cộng	447.782.590.435	491.038.052.598

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	331.373.480	9.340.171.950
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	33.749.028.930	-
Các nhà cung cấp trong nước khác	23.320.534.928	4.815.522.027
Cộng	57.400.937.338	14.155.693.977

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	507.186.975
Lãi cho vay, kỳ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	399.925.556	8.862.548.337
Chi hộ cho Công ty cổ phần Ba Long cước vận chuyển	69.435.270	69.435.270
Tiền, vật tư cho mượn	159.559.515.055	457.554.762.197
Các khoản phải thu khác	3.801.918.519	4.167.948.151
Cộng	163.830.794.400	471.161.880.930

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	743.809.536
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.156.593.360	9.649.648.876
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	11.707.958.294	1.175.408.887
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	56.753.247.644	55.035.415.894
Cộng	69.617.799.298	66.604.283.193

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	66.604.283.193
Trích lập dự phòng bổ sung	3.013.516.105
Số cuối kỳ	69.617.799.298

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	64.539.040	-
Nguyên liệu, vật liệu	47.442.812.871	17.722.457.198
Công cụ, dụng cụ	1.525.334.892	1.518.134.129
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	209.278.525.829	126.053.793.382
Thành phẩm	176.376.108.121	135.617.777.668
Hàng hóa	67.122.000	-
Hàng gửi đi bán	4.862.903.597	14.477.002.951
Cộng	439.617.346.350	295.389.165.328

Một số hàng tồn kho có giá trị 70.000.000.000 VND được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Sở giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.049.009.773
Trích lập dự phòng bổ sung	4.318.187.548
Số cuối kỳ	5.367.197.321

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	29.433.625.687	28.277.685.982
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.285.586.639	3.061.798.295
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.775.337	-
Cộng	30.729.987.663	31.339.484.277

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.493.549.939	128.709.051.064	14.001.372.268	7.578.075.382	230.782.048.653
Mua sắm mới	-	2.156.736.909	1.380.571.687	381.809.090	3.919.117.686
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	273.572.543	2.466.474.940	-	-	2.740.047.483
Thanh lý, nhượng bán	(1.122.080.542)	-	-	-	(1.122.080.542)
Số cuối kỳ	79.645.041.940	133.332.262.913	15.381.943.955	7.959.884.472	236.319.133.280
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.141.825.517	10.558.824.404	4.659.223.320	3.879.575.656	22.239.448.897
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	59.845.835.708	108.671.902.453	11.551.055.321	6.620.478.391	186.689.271.873
Khấu hao trong kỳ (*)	2.665.536.977	6.263.337.123	652.068.288	316.420.436	9.897.362.824
Thanh lý, nhượng bán	(1.122.080.542)	-	-	-	(1.122.080.542)
Số cuối kỳ	61.389.292.143	114.935.239.576	12.203.123.609	6.936.898.827	195.464.554.155
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	20.647.714.231	20.037.148.611	2.450.316.947	957.596.991	44.092.776.780
Số cuối kỳ	18.255.749.797	18.397.023.337	3.178.820.346	1.022.985.645	40.854.579.125
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng	12.751.160.733	8.989.392.243	1.162.422.469	273.304.738	23.176.280.183
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Trong đó, khấu hao của các tài sản cố định hữu hình chưa cần dùng hạch toán vào chi phí khác là 5.308.555.533 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 51.529.471.426 VND và 6.374.587.129 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.183.967.822	409.231.000	16.593.198.822
Mua sắm mới	2.720.000.000	-	2.720.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	40.279.000.000	-	40.279.000.000
Số cuối kỳ	59.182.967.822	409.231.000	59.592.198.822
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	175.291.000	175.291.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	222.079.000	222.079.000
Khấu hao trong kỳ	-	23.394.000	23.394.000
Số cuối kỳ	-	245.473.000	245.473.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.183.967.822	187.152.000	16.371.119.822
Số cuối kỳ	59.182.967.822	163.758.000	59.346.725.822
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Các quyền sử dụng đất có tổng nguyên giá 46.638.642.066 VND, thời gian sử dụng lâu dài đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang và Sở giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	963.748.727	1.592.805.240	(2.423.753.505)	-	132.800.462
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	140.594.313.651	59.853.211.137	(42.336.802.543)	-	158.110.722.245
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	97.938.479.894	20.113.159.588	-	-	118.051.639.482
Đất khu bệnh xá công an	40.279.000.000	-	(40.279.000.000)	-	-
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	-	8.654.262.621	-	-	8.654.262.621
Nhà máy chế biến thức ăn	-	30.812.216.385	-	-	30.812.216.385
Nhà máy phụ phẩm (thuốc)	-	273.572.543	(273.572.543)	-	-
Nồi hơi	328.020.000	-	(328.020.000)	-	-
Bể xử lý nước thải	1.456.210.000	-	(1.456.210.000)	-	-
Chi phí khác	592.603.757	-	-	-	592.603.757
Sửa chữa nhà máy					
Thái Bình Dương	3.171.927.532	3.059.355.740	(682.244.940)	(4.969.072.451)	579.965.881
Cộng	144.729.989.910	64.505.372.117	(45.442.800.988)	(4.969.072.451)	158.823.488.588

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương ^(a)	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt ^(b)	92.000.000.000	92.000.000.000
Cộng	128.000.000.000	128.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2801172029 ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cromit Nam Việt 92.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 435.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 73.125.000.000 VND và mua lại 1.350.000 cổ phần tương đương 18.900.000.000 VND từ Công ty TNHH phát triển công nghệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 12.577.500 cổ phiếu, tương đương 8,39% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 3.915.000 cổ phiếu, tương đương 2,61%). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 395.850.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)</i>	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
<i>Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không</i>	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
<i>Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam</i>	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		56.710.860.000		65.504.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long</i>	1.120.686	11.406.860.000	2.000.000	20.200.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bàn Việt</i>	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
<i>Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt</i>	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
<i>Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa</i>		20.304.000.000		20.304.000.000
Cộng		244.910.860.000		253.704.000.000

Lý do thay đổi khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long: giám do Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long hoàn trả 20% vốn điều lệ tương ứng 4.000.000.000 VND cho các thành viên theo tỷ lệ góp vốn và thông báo giảm giá trị của chứng chỉ quỹ còn lại là 4.793.140.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	11.887.176.000
Hoàn nhập dự phòng	(1.128.624.422)
Xử lý giảm khoản đầu tư	(4.793.140.000)
Số cuối kỳ	<u>5.965.411.578</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	-	5.000.000.000	(1.250.000.000)	3.750.000.000
Công cụ, dụng cụ	-	134.594.307	(8.022.009)	126.572.298
Chi phí sửa chữa	-	5.583.527.451	(90.803.055)	5.492.724.396
Cộng	-	<u>10.718.121.758</u>	<u>(1.348.825.064)</u>	<u>9.369.296.694</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	367.635.000.000	339.449.177.135
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	78.105.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(b)	182.830.000.000	185.303.977.135
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(c)	106.700.000.000	123.145.200.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang ^(d)	8.380.938.513	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Sở giao dịch ^(e)	45.394.730.140	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	30.039.386.000	16.264.869.478
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương ^(f)	-	12.560.980.478
Ông Doãn Tới ^(g)	30.039.386.000	3.703.889.000
Cộng	<u>451.450.054.653</u>	<u>355.714.046.613</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của Ông Doãn Chí Thanh.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11)

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang để bổ sung vốn lưu động.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Sở giao dịch để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11) và hàng tồn kho bình quân trị giá 70.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.7).
- (f) Khoản vay Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương để bổ sung vốn lưu động.
- (g) Khoản vay ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	339.449.177.135	1.074.266.199.898	(992.304.708.380)	421.410.668.653
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	16.264.869.478	39.196.706.000	(25.422.189.478)	30.039.386.000
Cộng	355.714.046.613	1.113.462.905.898	(1.017.726.897.858)	451.450.054.653

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.424.142.750	126.753.279
Các nhà cung cấp trong nước	51.694.546.268	36.460.217.334
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	229.406.185	301.770.838.854
Cộng	57.348.095.203	338.357.809.467

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	5.436.902.011	8.437.011.356
Các khách hàng trong nước	1.363.520.616	3.319.643.707
Cộng	6.800.422.627	11.756.655.063

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.575.677.987	(2.575.677.987)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	550.720.265	51.596.244	(331.811.670)	270.504.839
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	-	-	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	105.526.939	154.680.585	(123.639.150)	136.568.374
Thuế tài nguyên	-	11.979.000	(11.979.000)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	4.630.131.089	2.796.933.816	(3.046.107.807)	4.380.957.098

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	5%
- Mỡ cá, thuê nhà	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.935.256.273	24.917.009.860
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.685.344.098	18.052.650.586
- Các khoản điều chỉnh giảm	(38.223.652.048)	(15.590.704.605)
Thu nhập chịu thuế	36.396.948.323	27.378.955.841
Lỗi các năm trước được chuyển	(183.724.240.346)	(284.515.627.012)
Thu nhập tính thuế	(147.327.292.023)	(257.136.671.171)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	798.075.941	891.476.660
Chi phí dịch vụ	-	1.126.310.640
Cộng	798.075.941	2.017.787.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	-	555.291.854
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	20.743.130.041	56.857.041.154
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	929.589.500	811.843.200
Các khoản phải trả khác	2.301.344.811	2.126.104.022
Cộng	23.974.064.352	60.350.280.230

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	9.736.120.551
Chi quỹ	(1.041.489.460)
Số cuối kỳ	8.694.631.091

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.516.213.116
Số đã chi	(176.031.690)
Số cuối kỳ	1.340.181.426

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 39.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	58.926.978.700
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	58.926.978.700

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	733.055.465.186	677.176.296.090
- Doanh thu bán hàng hóa	3.886.729.142	8.102.536.033
- Doanh thu bán thành phẩm	727.646.795.709	669.073.760.057
- Doanh thu bán nguyên liệu	1.521.940.335	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(6.780.690.455)	(5.442.181.609)
- Giảm giá hàng bán	(2.786.400.599)	(5.442.181.609)
- Hàng bán bị trả lại	(3.994.289.856)	-
Doanh thu thuần	726.274.774.731	671.734.114.481
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.886.729.142	8.102.536.033
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	720.866.105.254	663.631.578.448
- Doanh thu thuần bán nguyên liệu	1.521.940.335	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.484.933.400	6.483.513.392
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	618.037.098.388	625.890.271.557
Giá vốn của nguyên liệu đã cung cấp	2.789.792.202	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.318.187.548	(4.493.716.507)
Cộng	628.630.011.538	627.880.068.442

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	553.279.812.746	427.756.836.196
Chi nhân công trực tiếp	13.539.260.729	882.580.800
Chi phí sản xuất chung	165.626.927.288	99.697.202.844
Tổng chi phí sản xuất	732.446.000.763	528.336.619.840
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(83.224.732.447)	(13.816.281.987)
Tổng giá thành sản xuất	649.221.268.316	514.520.337.853
Chênh lệch tồn kho thành phẩm và hàng gửi bán	(31.144.231.099)	111.386.054.325
Xuất khác	(39.938.829)	(16.120.621)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	618.037.098.388	625.890.271.557

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.252.421.593	3.062.234.476
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	300.518.203	247.785.646
Lãi tiền cho vay	893.654.939	7.987.129.128
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	1.091.608.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.223.652.048	396.867.499
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	14.066.330.232
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.809.207.534	25.931.990.200
Cộng	47.479.454.317	52.783.945.236

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.620.021.091	15.945.912.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	321.088.153	4.319.742.517
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.128.624.422)	2.890.658.000
Cộng	26.812.484.822	23.156.313.290

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.151.913	-
Chi phí nhân công	996.830.586	706.052.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.519.998	-
Chi phí hoa hồng	2.128.699.309	1.494.763.293
Chi phí vận chuyển	25.100.348.306	22.158.895.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.841.204.499	7.124.291.445
Chi phí khác	583.793.595	502.038.712
Cộng	40.671.548.206	31.986.041.354

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	736.899.153	317.093.095
Chi phí nhân công	6.608.553.733	4.621.080.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	945.223.107	1.755.078.513
Thuế, phí và lệ phí	1.037.705.436	769.556.533
Chi phí dự phòng	3.013.516.105	468.989.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.619.316.893	449.355.563
Chi phí khác	2.366.243.724	1.527.251.500
Cộng	16.327.458.151	9.908.405.544

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.270.909.090	1.401.872.727
Thu nhập khác	2.904.687.877	2.955.414.502
Cộng	4.175.596.967	4.357.287.229

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	1.061.482.643
Chi phí khấu hao của tài sản tạm thời ngưng hoạt động	5.308.555.533	9.777.797.782
Chi phí khác	244.511.492	188.228.031
Cộng	5.553.067.025	11.027.508.456

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	569.602.756.238	433.243.707.146
Chi phí nhân công	27.789.002.143	7.297.698.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.612.201.291	3.209.061.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.201.667.544	122.122.792.230
Chi phí khác	9.239.379.904	4.357.807.519
Cộng	789.445.007.120	570.231.066.738

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cuối kỳ, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	7.097.762.541	1.173.288.400
Ứng trước mua tài sản	20.348.373.525	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Vay	32.739.386.000	-
Các cá nhân có liên quan khác		
Lãi cho vay	(222.643.807)	19.386.086

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các cá nhân có liên quan khác	142.223.076	777.266.883
Cộng nợ phải thu	142.223.076	777.266.883
Hội đồng quản trị	30.039.386.000	3.703.889.000
Cộng nợ phải trả	30.039.386.000	3.703.889.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 233.420.000 VND (kỳ trước là 179.947.974 VND).

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	6.309.300	2.505.178.000
Lãi cho vay	4.000.061	3.061.735.365
Cho vay	-	12.215.000.000
Chi hộ	73.079.910	1.358.280
Chi phí gia công	532.249.972	21.581.478
Mua sản phẩm	3.491.900.900	8.659.379.473
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	-	347.272.602
Chi phí khác	-	1.872.808
Thư hộ	1.170.632	21.581.478

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	59.338.847.500	36.493.421.555
Bán nguyên vật liệu	1.015.000	-
Lãi cho vay	6.899.099	240.142.785
Cho vay	-	57.310.000.000
Chi hộ	1.238.121.453	1.795.945.086
Chi phí gia công	106.538.242.140	89.131.512.080
Mua sản phẩm	822.561.465	2.200.707.630
Chi phí xây dựng cơ bản	637.123.005	-
Mua khác	189.077.221	-
Chi phí vùng nuôi	724.379.773	-
Mượn tiền	1.687.068.000	-
Nhận tiền vay	6.457.320.000	51.334.136.500
Chi phí lãi vay	129.878.905	151.081.567
Thu hộ	2.234.852	-
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Bán tài sản	-	360.000.000
Chi hộ	115.675.620	233.568.883
Lãi cho vay	997.314.776	4.334.478.899
Cho vay	50.121.400.000	41.421.337.785
Mua hàng hóa	-	3.802.874.392
Thu hộ	17.048.704	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	115.655.896.680	151.902.179.082
Cho vay	-	171.059.016
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Cho mượn tiền	151.993.502.858	450.000.000.000
Phải thu khác	4.875.162.197	4.863.912.197
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	797.156.396	800.156.396
Phải thu lãi cho vay	12.952.108.039	11.968.841.967
Cho vay	23.835.877.445	99.250.065.445
Phải thu khác	1.916.344.354	1.800.668.734
Cộng nợ phải thu	312.001.047.969	720.756.882.837
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.406.185	229.406.185
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Phải trả tiền hàng	-	301.545.368.438
Phải trả tiền vay	-	12.560.980.478
Phải trả khác	3.490.000	580.000
Cộng nợ phải trả	232.896.185	314.336.335.101

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	578.242.889.244	517.435.545.606
Trong nước	148.031.885.487	154.298.568.875
Cộng	726.274.774.731	671.734.114.481

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.313.022.123	140.080.363.330	67.313.022.123	140.080.363.330
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	238.945.448.422	241.816.824.000	238.945.448.422	241.816.824.000
Phải thu khách hàng	380.925.076.407	424.435.218.405	380.925.076.407	424.435.218.405
Các khoản cho vay	24.703.972.082	167.647.441.201	24.703.972.082	167.647.441.201
Các khoản phải thu khác	191.789.721.456	502.499.916.207	191.789.721.456	502.499.916.207
Cộng	903.677.240.490	1.456.175.763.143	903.677.240.490	1.456.175.763.143
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	57.348.095.203	338.357.809.467	57.348.095.203	338.357.809.467
Vay và nợ	451.450.054.653	355.714.046.613	451.450.054.653	355.714.046.613
Phải trả người lao động	4.738.995.506	3.491.532.668	4.738.995.506	3.491.532.668
Chi phí phải trả	798.075.941	2.017.787.300	798.075.941	2.017.787.300
Các khoản phải trả khác	25.314.245.778	61.866.493.346	25.314.245.778	61.866.493.346
Cộng	539.649.467.081	761.447.669.394	539.649.467.081	761.447.669.394

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Hàng tồn kho	70.000.000.000	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Máy móc thiết bị	6.374.587.129	
Quyền sử dụng đất	46.638.642.066	
Cộng	123.013.229.195	
Số đầu năm		
Máy móc thiết bị	9.921.759.597	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Quyền sử dụng đất	6.359.642.066	
Cộng	16.281.401.663	

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	57.348.095.203	-	-	57.348.095.203
Vay và nợ	451.450.054.653	-	-	451.450.054.653
Phải trả người lao động	4.738.995.506	-	-	4.738.995.506
Chi phí phải trả	798.075.941	-	-	798.075.941
Các khoản phải trả khác	23.974.064.352	1.340.181.426	-	25.314.245.778
Cộng	538.309.285.655	1.340.181.426	-	539.649.467.081
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	338.357.809.467	-	-	338.357.809.467
Vay và nợ	355.714.046.613	-	-	355.714.046.613
Phải trả người lao động	3.491.532.668	-	-	3.491.532.668
Chi phí phải trả	2.017.787.300	-	-	2.017.787.300
Các khoản phải trả khác	60.350.280.230	1.516.213.116	-	61.866.493.346
Cộng	759.931.456.278	1.516.213.116	-	761.447.669.394

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này	+	2.181.227.740
	-	(2.181.227.740)
Kỳ trước	+	4.602.768.964
	-	(4.602.768.964)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này	+	(5.950.600.449)
	-	5.950.600.449
Kỳ trước	+	(2.765.440.746)
	-	2.765.440.746

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	99.540.397.348	1.344.088.226.600
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	92.352.454.286	92.352.454.286
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	132.848.126.634	1.377.395.955.886
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	132.848.126.634	1.377.395.955.886
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	59.935.256.273	59.935.256.273
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	133.738.657.907	1.378.286.487.159

Đơn vị tính: VND

Long Xuyên, ngày 31 tháng 7 năm 2012



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Quý
Người lập biểu